

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/HS-ST**

Ngày: 28-06-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Ông Vũ Xuân Dư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2022/TLST - HS ngày 01 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 06 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn P (Tên gọi khác: Không) ; sinh năm 1990 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Vũ Thị X. Bị cáo có vợ là Vũ Thị T và chưa có con.

Tiền án, tiền sự: không

Lịch sử bản thân: Ngày 23/02/2022, Công an xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình ra quyết định xử phạt hành chính số 0801094 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong)

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị T1 – sinh năm 1977; trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị L sinh năm 1975; trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Cháu Nguyễn Trần Tuyết A; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Trần Tuyết A: Chị Trần Thị T1; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn P là người không có công việc ổn định, do cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sáng ngày 03/02/2022, P đến nhà chị gái là Trần Thị L, sinh năm 1975 ở xóm 1, xã K, huyện K chơi. Đến khoảng 09h 30 phút P mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đỏ đen BKS 35K1-01630 của chị Liễu đi đến cửa hàng tạp hóa của chị Trần Thị T1 sinh năm 1977, cùng xóm để mua thuốc lá. Khi đến cửa hàng tạp hóa, cháu Nguyễn Trần Tuyết A sinh năm 2013 là con gái của chị T1 bán cho P 01 bao thuốc lá. Sau khi trả tiền thấy cháu Tuyết A cất tiền vào ví da màu đen rồi để vào ngăn kéo tủ hàng được kê ở vị trí gần cửa hông phía bên phải cửa hàng, ngăn tủ kéo đựng chiếc ví không khóa. Sau đó, cháu Tuyết A đi vào trong nhà ngồi học bài quay lưng lại với hướng cửa ra vào. P quan sát thấy cửa hông bên cạnh tủ hàng đựng ví da mở, không có người lớn trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. P đi bộ vào lối cửa hông bên phải cửa hàng, tay phải bám vào mép tường, rướn người vào trong phía tủ hàng đựng ví, tay trái mở ngăn kéo lấy chiếc ví rồi đóng ngăn kéo lại. Sau khi lấy được chiếc ví, P đi bộ ra chỗ dựng xe mô tô, bỏ chiếc ví vừa lấy trộm được vào túi trong của áo khoác rồi lên xe về nhà. Khi về nhà, P mở ví ra kiểm tra thấy bên trong có 2.800.000 đồng và 62 thẻ nạp điện thoại di động của các nhà mạng Viettel, Mobifone, Vinaphone. P đã tiêu xài hết số tiền 2.800.000 đồng, còn đối với 62 thẻ nạp điện thoại, P mới cào 01 thẻ nạp điện thoại di động Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng nhưng chưa nạp.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Trần Thị T1 đã đến trụ sở Công an xã K để trình báo sự việc và cung cấp video ghi lại hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Quá trình điều tra Trần Văn P giao nộp: 01 ví cầm tay, loại ví nữ màu đen; 62 thẻ nạp điện thoại bao gồm: 08 thẻ nạp Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 18 thẻ nạp Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 16 thẻ nạp Viettel mệnh giá 20.000 đồng; 08 thẻ nạp điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng; 07 thẻ nạp điện thoại Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 05 thẻ nạp điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đỏ đen BKS 35K1-01630, 01 áo khoác gió dài tay; 01 quần dài; 01 đôi giày nam; 01 khẩu trang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG ngày 01/03/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: giá trị còn lại của 01 ví da nữ là 150.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 307 này 27/04/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh: đối với video được gửi giám định không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video lưu trữ trong đĩa CD-R gửi giám định.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành làm việc với các nhà mạng Viettel, Vinaphone, Mobiphone kết quả các nhà mạng trên xác nhận toàn bộ 62 thẻ nạp đều còn giá trị sử dụng. Căn cứ vào mệnh giá ghi trên các thẻ nạp, tổng giá trị các thẻ nạp là 2.870.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản bị xâm hại bao gồm, tiền mặt, ví da và thẻ điện thoại có tổng giá trị là 5.820.000 đồng (*Năm triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng*)

Quá trình điều tra Trần Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT – VKS – KS ngày 30 tháng 5 năm 2022 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 15 tháng cải tạo không giam giữ đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo Trần Văn P trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác; 01 quần dài; 01 đôi giày; 01 khẩu trang.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bản thân bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên toà của bị cáo Trần Văn P như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời

khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ là số thẻ điện thoại thu được đồng thời nó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2022, tại xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của chủ sở hữu, Trần Văn P đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 ví da nữ trị giá 150.000đ bên trong có số tiền 2.800.000 đồng cùng 62 thẻ nạp điện thoại di động các loại có giá trị là 2.870.000đồng của gia đình bà Trần Thị T1. Tổng tài sản P chiếm đoạt có trị giá là 5.820.000đồng (Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm:

.....”

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ mình trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại số tiền mình đã chót chi tiêu hết. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Số tiền trộm cắp không đáng kể. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, căn cứ vào Điều 36 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị T1 đã nhận lại được tài sản là chiếc ví và 62 thẻ điện thoại. P đã hoàn trả số tiền 2.800.000 đồng, bà T1 đã nhận lại tiền và tài sản và không có ý kiến đề nghị gì khác. Do vậy về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp:

Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 35K1-01630 cho chị Trần Thị L sinh năm 1975 ở xóm 1, xã K, huyện K. Trả lại 01 ví da nữ, 61 thẻ nạp điện thoại di động (còn nguyên trạng như phát hành), 01 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng đã bị cáo phần mã số cho bà Trần Thị T1. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện K là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 01 áo khoác; 01 quần dài; 01 đôi giày; 01 khẩu trang là những đồ vật bị cáo đã mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo xác định đây là những đồ dùng quân tư trang cá nhân của bị cáo hiện đã cũ không còn giá trị sử dụng nên đề nghị không nhận lại. Do vậy nay tịch thu tiêu hủy là phù hợp với Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn P 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Trần Văn P trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn P cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác; 01 quần dài; 01 đôi giày; 01 khẩu trang.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 05 năm 2022 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/6/2022), bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Bị cáo.
- Bị hại.
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Khanh